

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁP LUẬT, PHÁP CHẾ

PGS, TS NGUYỄN VĂN MẠNH*

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước nói chung và pháp luật, pháp chế nói riêng cũng như nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh với những nội dung rộng lớn đòi hỏi phải xuất phát từ những quan điểm có tính chất phương pháp luận, khoa học để nhận thức đúng đắn nội dung tư tưởng của Người, tránh suy diễn, ngộ nhận hoặc gán ghép một cách tùy tiện. Trên thực tế, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp luật, pháp chế nhưng nội dung khái quát tư tưởng của Người về Nhà nước, pháp luật, pháp chế còn có những điểm khác nhau, chưa thống nhất, chưa đầy đủ, thậm chí còn có sự gán ghép khiên cưỡng, làm hạ thấp nội dung tư tưởng của Người. Vì vậy, xác định được những quan điểm có tính phương pháp luận trong nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu khách quan, cấp bách.

Bài viết này trình bày những quan điểm và giải pháp tiếp tục nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật và pháp chế.

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

1. Quan điểm có tính chất phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế

Một là, phải bảo đảm tính toàn diện, hệ thống.

Quán triệt quan điểm này đòi hỏi khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cách mạng không thể chỉ nghiên cứu một cách biệt lập, tách rời những quan điểm tư tưởng của Người về pháp luật pháp chế. Trái lại, phải nghiên cứu những quan điểm của Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế trong mối quan hệ với toàn bộ nội dung hệ tư tưởng của Người. Pháp luật là bộ phận của kiến trúc thượng tầng nên pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố khác của kiến trúc thượng tầng như nhà nước, đạo đức, tư tưởng, chính trị; mặt khác pháp luật và các yếu tố khác của kiến trúc thượng tầng bị chi phối, quyết định bởi các yếu tố của cơ sở hạ tầng, tác động trở lại với cơ sở hạ tầng, vì thế cũng có quan hệ chặt chẽ với các yếu tố của cơ sở hạ tầng (quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất). Vì vậy, nghiên cứu quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế phải đặt trong mối quan hệ và phải trên cơ sở nghiên cứu nội dung quan điểm, tư tưởng của

Người về chính trị, nhà nước, đạo đức, về dân chủ, nhân quyền, văn hoá.v.v..

Tinh toán diện và hệ thống trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế còn đòi hỏi phải nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về pháp luật, pháp chế, đồng thời tiếp thu những quan điểm tích cực, tiến bộ, những giá trị tinh hoa trong lịch sử tư tưởng nhân loại trên những lĩnh vực và thực tiễn cách mạng của đất nước, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, những giá trị tinh hoa trong lịch sử tư tưởng của nhân loại và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, chỉ trên cơ sở nắm vững những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về pháp luật, pháp chế cũng như những quan điểm tích cực, tiến bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại và thực tiễn Việt Nam mới có cơ sở lý luận và thực tiễn để nhận thức đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh, mới nhận thức được sự kết hợp nhuần nhuyễn này cũng như sự vận dụng phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh.

Hai là, phải bảo đảm tính khách quan, khoa học.

Bảo đảm tính khách quan, khoa học khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung có nghĩa là phải khái quát được một cách chân thực nội dung tư tưởng, quan điểm của Người. Trong quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiều tác giả đã trích dẫn những luận điểm, bài viết của Hồ Chí Minh và bình luận, phân tích một cách đơn giản, thậm chí gán ghép, suy diễn những nội dung, quan điểm, tư tưởng không đúng với nội dung trong các bài nói, bài viết của Người. Những nội dung bình luận, phân tích có tính chất gán ghép, suy diễn này dễ dẫn đến hậu quả hoặc là tầm thường hoá, đơn giản hoá tư tưởng Hồ Chí Minh, hoặc là bịa đặt, "hiện đại hoá" tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm luận chứng cho chính quan điểm của tác giả. Trong các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không hiếm những

trường hợp bình luận, phân tích cùng một luận điểm của Người nhưng nội dung phân tích bình luận rất khác nhau, hiểu khác nhau, hoặc trích ý, trích đoạn, cắt xén để phục vụ cho ý đồ luận chứng của người viết. Nghiên cứu những công trình này, độc giả không thể không nghi ngờ tính khách quan, khoa học của những nhận định, đánh giá, bình luận và phân tích đó. Việc trích dẫn cắt xén, thiếu chính xác, thêm bớt từ ngữ và cấy vào những luận điểm của người viết đã biến hoá tư tưởng Hồ Chí Minh thành quan điểm, tư tưởng của người viết.

Như vậy, để bảo đảm tính khách quan, khoa học khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh về các lĩnh vực khác cần có sự nghiên cứu sâu sắc, bình luận và phân tích thận trọng, không được nghiên cứu một cách hời hợt, đưa ra những nhận định, đánh giá võ đoán, suy diễn, gán ghép tùy tiện.

Ba là, phải có quan điểm lịch sử, cụ thể.

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cũng như toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người phải luôn luôn gắn bó với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể khi Hồ Chí Minh phát biểu, trình bày những ý kiến, quan điểm đó. Không chỉ đơn giản trích dẫn những luận điểm một cách biệt lập với hoàn cảnh rồi căn cứ vào câu, chữ để gán ghép, khái quát thành "tư tưởng Hồ Chí Minh". Tư tưởng Hồ Chí Minh chẳng những là sự kết tinh những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với tri thức, trí tuệ của nhân loại, sự hoà quyện, chất lọc văn hoá cổ, kim, đông, tây mà còn là triết lý hành động, chỉ đạo thực tiễn, có mục đích rõ ràng. Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhằm giải quyết yêu cầu đặt ra trong điều kiện cụ thể đó, đồng thời luôn luôn đặt trong quan hệ chặt chẽ với mục tiêu lý tưởng, yêu cầu chung của cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cũng thể hiện sự kết tinh nhuần nhuyễn đó. Tuy nhiên không phải bất cứ luận điểm nào cũng đều là sự đúc kết

có tính chất chân lý. Có những luận điểm đặt trong hoàn cảnh cụ thể nào đó là đúng đắn, nhưng nếu đặt trong tổng thể, hệ thống, có khi lại trở nên phiến diện và nếu chúng ta quá nhấn mạnh có khi lại trở thành cực đoan, khập khiễng. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể là phương pháp nghiên cứu, tiếp cận khoa học, giúp người nghiên cứu không sa vào nguy biện, gán ghép tùy tiện. Chẳng hạn, khi nói đến tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh có người đã trích luận điểm của Người trong yêu sách của nhân dân An Nam "Bây xin Hiến pháp ban hành, trăm điều phải có thần linh pháp quyền" để kết luận rằng tư tưởng lập hiến hình thành rất sớm trong tư tưởng Hồ Chí Minh, rằng Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của Hiến pháp, pháp luật. Thực ra khi nêu yêu sách của nhân dân An Nam, Hồ Chí Minh muốn đấu tranh đòi Chính phủ Pháp phải thực hiện Hiến pháp của Pháp trên các lãnh thổ thuộc địa, đòi cai trị các xứ thuộc địa bằng pháp luật thay cho chế độ cai trị bằng sắc lệnh hết sức tùy tiện, độc đoán của các viên toàn quyền. Trong bối cảnh đó mà kết luận tư tưởng lập hiến hình thành sớm ở Hồ Chí Minh thì khó có sức thuyết phục. Trong khi đó, đề cập đến tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh cần phải gắn với những diễn biến của sự kiện ra đời của Quốc hội Khoá I và Hiến pháp năm 1946 mới phản ánh được đầy đủ, đúng đắn nội dung cốt lõi tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh.

Bốn là, phải bảo đảm tính khái quát cao.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế không đơn thuần chỉ là liệt kê câu chữ, luận điểm của Hồ Chí Minh nói về pháp luật, pháp chế. Muốn tìm hiểu, nhận thức đúng đắn tư tưởng của Người phải nghiên cứu khái quát được những giá trị cốt lõi nhất, cô đọng nhất từ nội dung những luận điểm, ý kiến của Người về pháp luật, pháp chế. Có nhà nghiên cứu đã nói một cách hình tượng rằng "Phải đọc được tư tưởng Hồ Chí Minh giữa những dòng viết của Người". Gần đây có nhiều luận văn, luận án có đề tài nghiên cứu

tư tưởng Hồ Chí Minh về một vấn đề nào đó. Có những đề tài đề cập những vấn đề quá cụ thể hoặc có những luận án đề cập những lĩnh vực lẽ ra phải khái quát được tư tưởng của Người, nhưng thực chất cũng chỉ là liệt kê những trích đoạn câu chữ và bình luận phân tích rất hời hợt, chưa đúc kết được nội dung có giá trị tư tưởng. Đúng ra, những luận văn, luận án này mới chỉ dừng ở trình độ liệt kê những luận điểm của Hồ Chí Minh về chủ đề mà tác giả nghiên cứu. Có người nhận xét Hồ Chí Minh nói về pháp luật, pháp chế ít hơn so với một số lĩnh vực khác, chẳng hạn về nhà nước, về dân chủ, về quyền lực nhân dân, về đạo đức.v.v và cho rằng Hồ Chí Minh coi trọng đức trị hơn pháp trị. Quan điểm, nhận xét đó là không khoa học và chưa khái quát.

Như các phần trên đã trình bày, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin với những giá trị tinh hoa văn hoá, trí tuệ nhân loại; sự hoà quyện giữa văn hoá cổ - kim, đông - tây, vì vậy quan điểm, tư tưởng của Người có sức khái quát rất cao. Thực ra, khi Hồ Chí Minh nói đến cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư thì đã hàm chứa yêu cầu triệt để tuân thủ pháp luật ở đội ngũ cán bộ công chức. Tuân thủ pháp luật ở đây được nâng lên ở trình độ tự giác cao nhất, nghĩa là trở thành đạo đức. Đúng như một nhà nghiên cứu đã nói: đạo đức là pháp luật cao nhất, và pháp luật là đạo đức thấp nhất. Như vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải chất lọc, khái quát tầm cao tư tưởng của Người, không chỉ đơn giản là trích dẫn, liệt kê câu chữ.

Năm là, phải gắn với hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực xây dựng Nhà nước, xây dựng và thực hiện pháp luật, tăng cường pháp chế.

Hồ Chí Minh không những là nhà tư tưởng, nhà lý luận mà còn là nhà hoạt động cách mạng xuất sắc của Đảng ta và phong trào cộng sản quốc tế. Người đã sáng lập, rèn luyện Đảng ta, lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi Cách mạng tháng Tám, đánh đuổi giặc Pháp và giặc Mỹ xâm lược, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, đạt

nhiều thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản vô giá, là nền tảng tư tưởng, lý luận, kim chỉ nam cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành, hoàn thiện, kết tinh từ chính thực tiễn hoạt động cách mạng hết sức gian khổ nhưng vô cùng phong phú, sôi động của Người. Chính vì vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải luôn luôn gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng của Người kể từ khi còn bôn ba khắp năm châu tìm đường cứu nước cho đến khi trở thành Chủ tịch của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và để lại "muôn vản tình thương yêu" cho toàn Đảng, toàn dân. Tư tưởng, quan điểm của Người được hình thành và phát triển trên nền tảng trí thức, trí tuệ, khát vọng tự do, dân chủ của nhân loại, của nhân dân, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời được đúc kết từ chính thực tiễn cách mạng nước ta và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới.

Tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực pháp luật, pháp chế cũng là sự kết tinh giữa những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh hoa trí thức, trí tuệ của nhân loại trên lĩnh vực này và gắn với thực tiễn Việt Nam, truyền thống văn hoá lịch sử và con người Việt Nam. Đồng thời, thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo quá trình xây dựng Nhà nước, xây dựng và thực hiện pháp luật, xử lý những vấn đề cụ thể liên quan đến Nhà nước, pháp luật, pháp chế trong điều kiện một nước tiểu nông, kém phát triển, chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo là môi trường đào luyện, kết tinh những quan điểm tư tưởng độc đáo của Người về pháp luật, pháp chế.

Như vậy, ở Hồ Chí Minh có sự kết hợp nhuần nhuyễn, nhất chứng giữa tư tưởng và hành động. Tư tưởng thể hiện trong hành động và từ hành động để gọt rũa, kết tinh tư tưởng, phát triển tư tưởng. Chính vì vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế phải gắn với hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực xây dựng nhà nước, xây dựng và thực

hiện pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật, tăng cường pháp chế.

Sáu là, phải có quan điểm phát triển

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm phát triển có nghĩa là nghiên cứu tư tưởng của Người trong trạng thái vận động và phát triển của nó. Nếu chúng ta thừa nhận quan điểm toàn diện; khách quan khoa học; lịch sử, cụ thể, quan điểm thực tiễn thì, một cách gián tiếp, đã thừa nhận quan điểm phát triển trong quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cũng như toàn bộ hệ tư tưởng Hồ Chí Minh có quá trình hình thành và phát triển gắn với quá trình nhận thức và thực tiễn hoạt động cách mạng sôi động của Người. Mặt khác, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh cũng không phải tất cả đều là những điều nhất thành bất biến. Trong nội dung tư tưởng của Người, có nhiều quan điểm đã trở thành chân lý, nguyên tắc và là yêu cầu khách quan, qui luật của sự nghiệp cách mạng cần được nghiên cứu, cụ thể hoá. Tuy vậy, cũng có những quan điểm cụ thể cần được nghiên cứu phát triển trong điều kiện đổi mới hiện nay. Đảng ta khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Điều đó đã xác định nhiệm vụ tiếp tục cụ thể hoá, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới và phải gắn với thực tiễn cách mạng, thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

2. Một số giải pháp quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế

Trên cơ sở xác định những quan điểm có tính phương pháp luận để tiếp cận, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nêu ở trên, để tiếp tục quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, quán triệt và thực hiện đầy đủ các quan điểm có tính nguyên tắc, có ý nghĩa phương pháp luận

trong quá trình nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế đòi hỏi phải quán triệt và thực hiện đầy đủ các quan điểm có tính nguyên tắc, có ý nghĩa phương pháp luận đã trình bày ở phần 1.

Quán triệt và thực hiện đầy đủ những quan điểm đó mới bảo đảm nhận thức đầy đủ, đúng đắn và chân thực tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế. Mặt khác, những quan điểm đó cũng là cơ sở lý luận để nghiên cứu, vận dụng, thể hiện tư tưởng của Người trong nội dung các văn bản pháp luật, pháp chế và kiểm định việc quán triệt, thực hiện những tư tưởng ấy trong thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước.

Hai là, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế gắn với việc nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề có liên quan.

Muốn nhận thức, quán triệt đầy đủ, cô đọng và chân thực tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cần phải nắm vững tư tưởng của Người về dân chủ, nhân quyền, về nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân; về văn hoá, đạo đức và những vấn đề có liên quan khác, trong đó chú trọng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật là hai vấn đề luôn luôn có quan hệ mật thiết với nhau.

Ba là, tập hợp các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế đã công bố, tổ chức trao đổi, thảo luận trong các hội thảo khoa học, hoặc trên báo, tạp chí.

Đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế nhưng còn nhiều ý kiến chưa thống nhất, nội dung khái quát còn khác nhau và chưa đầy đủ, vì thế, việc tổ chức hội thảo khoa học hoặc mở chuyên mục trao đổi trên báo, tạp chí để trao đổi, thảo luận là cần thiết. Chỉ trên cơ sở trao đổi, thảo luận rộng rãi mới đi đến nhận thức đầy đủ, đúng đắn và thống nhất tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế.

Bốn là, rà soát, nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế thể hiện trong nội dung các văn bản pháp luật hiện hành và các chủ trương, biện pháp tăng cường pháp chế.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế cũng như hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc khái quát nội dung tư tưởng của Người. Điều quan trọng hơn là nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế thể hiện như thế nào trong nội dung các văn bản pháp luật và trong các chủ trương tăng cường pháp chế. Việc rà soát, đối chiếu này sẽ giúp chúng ta phát hiện những nội dung tư tưởng quan trọng chưa được quán triệt, vận dụng hoặc vận dụng chưa chính xác, chưa phù hợp để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

Năm là, tìm hiểu, đánh giá thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước trong việc quán triệt, thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế.

Quán triệt, vận dụng nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế đặt ra yêu cầu tìm hiểu, đánh giá thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước đã quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào?

Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế được khái quát, được thể hiện trong các văn bản pháp luật và chủ trương, biện pháp tăng cường pháp chế, nhưng nếu trong thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước không thể hiện được đầy đủ nội dung, tinh thần của tư tưởng ấy và những điều đã được vận dụng trong pháp luật thì việc quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh cũng trở lên vô ích. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, lý luận, là kim chỉ nam cho hành động đòi hỏi việc quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh phải được thể hiện cả trong nhận thức, trong thực tiễn vận dụng xây dựng nội dung đường lối, chính sách, pháp luật, các biện pháp tăng cường pháp chế cũng như trong thực tiễn hoạt động hàng ngày của bộ máy nhà nước.